

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 08-4-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, chia tài sản
chung và nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Bà Lâm Ngọc Tuyên.

+ Ông Nguyễn Lê Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Thành N, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị Ngọc U, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

2. Anh Đinh Ngọc T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

4. Cháu Đinh Ngọc Tường V, sinh năm 2011;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tường Vy:

- 4.1. Anh Đinh Ngọc T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);
- 4.2. Chị Nguyễn Thị Chúc L sinh năm 1989 (xin vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
5. Anh Phan Duy N, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
6. Bà Đinh Thị E, sinh năm 1948 (chết năm 2016);
Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Đinh Thị E: Chị Đinh Thị Thu Đ, sinh năm 1972 (có mặt);
Địa chỉ: Đường L, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Ông Đinh Thành A, sinh năm 1954 (chết năm 2014)
Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Thành A:
- 7.1. Anh Đinh Khởi X, sinh 1979 (vắng mặt);
- 7.2. Chị Đinh Thị Thuý V1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);
- 7.3. Anh Đinh Tân X1, sinh năm 1985 (vắng mặt);
- 7.4. Anh Đinh Tứ X2, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- 7.5. Chị Đinh Thị Thuý N1, sinh năm 1989 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C1, Tiền Giang.
8. Ông Đinh Thành Q, sinh năm 1957 (chết năm 1997);
Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Đinh Thành Q: Anh Đinh Quốc T1, sinh năm 1992 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
9. Ông Đinh Thành Q1, sinh năm 1960 (chết năm 1993)
Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Thành Q1:
- 9.1. Chị Đinh Thanh N2, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- 9.2. Anh Đinh Thanh S, sinh năm 1992 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.
10. Ông Trần T3, sinh năm 1943 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
11. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1953.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, Tiền Giang.
- Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T2: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1967 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – ông Đinh Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn – ông Đinh Thành N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước nên ông N và bà P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống ở tỉnh Bình Phước cho đến năm 1990 thì vợ chồng mới về sinh sống tại ấp A, xã A, huyện C, Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân, cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên ông N yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Ngọc T, sinh năm 1988 và Đinh Thị Ngọc U, sinh năm 1989; hiện hai con đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có cất nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, kèo gỗ tạp, mái lợp tole, nền xi măng, vách tole, không trần, không khu phụ diện tích 200m²; được xây dựng trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² của cụ Nguyễn Thị B và cụ Đinh Văn C. Khi ly hôn, ông N yêu cầu được nhận hiện vật căn nhà này và đồng ý hoàn lại giá trị ½ căn nhà theo giá của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã định ngày 14/02/2020 số tiền 29.660.000 đồng cho bà P.

Về tài sản riêng: Trước khi ông N chung sống với bà P thì vào năm 1982 mẹ của ông N là cụ Nguyễn Thị B có cho riêng ông N một phần đất 800m²; hiện nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m²; đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang và căn nhà trên đất diện tích khoảng 40m². Hiện thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, ông N mới đi kê khai đăng ký vào năm 2009 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này là của ông bà nội của ông N để lại cho cha mẹ ông N. Nay ông N yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² là tài sản riêng của ông N.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của mẹ vợ là bà Võ Thị T2 17 chỉ vàng 24k, khi ly hôn ông N đồng ý trả 08 chỉ 05 phân vàng 24k cho bà T2.

- *Bị đơn – bà Phạm Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên bà P và ông N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1984 cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống ở tỉnh Lâm Đồng; đến năm 1992 thì về sống tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang với gia đình của ông N. Vợ chồng

sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nguyên nhân do không hợp nhau ông N hay chửi mắng và đánh đuổi bà P ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010. Nay bà P đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Ngọc T, sinh năm 1988 và Đinh Thị Ngọc U, sinh năm 1989; hiện hai con đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có cất nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, kèo gỗ tạp, mái lợp tole, nền xi măng, vách tole, không trần, không khu phụ diện tích 200m²; được xây dựng trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² của cụ Nguyễn Thị B và cụ Đinh Văn C. Khi ly hôn, bà P thống nhất giao căn nhà này cho ông N và thống nhất với ý kiến của ông N hoàn lại ½ giá trị căn nhà với số tiền 29.660.000 đồng cho bà P.

Đối với yêu cầu của ông N xác định thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² là tài sản riêng của ông N thì bà P không đồng ý vì khi cụ B còn sống có hứa cho phần đất này cho vợ chồng. Bà P yêu cầu chia cho Đinh Thị Ngọc U và Đinh Ngọc T mỗi người 100m² tính từ mặt lộ vào hết đất. Phần diện tích còn lại bà P yêu cầu được chia đôi, xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Bà P thống nhất với ý kiến của ông N về việc còn nợ mẹ bà P là bà Võ Thị T2 17 chỉ vàng 24k, bà P đồng ý trả ½ số vàng này cho bà T2 nhưng để bà P với bà T2 tự thỏa thuận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Võ Thị T2, có đại diện ủy quyền là bà P Thị Phụng trình bày:*

Vào năm 2008, bà Võ Thị T2 có cho ông N và bà P mượn 17 chỉ vàng 24k, khi mượn có làm biên nhận, nhưng cho đến nay ông N và bà P chưa trả cho bà T2. Nay bà T2 yêu cầu ông N trả ½ số nợ là 08 chỉ 05 phân vàng 24k, còn ½ số nợ còn lại để bà T2 với bà P tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, bà P là đại diện ủy quyền của bà T2 xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N phải trả số vàng còn lại là 08 chỉ 05 phân vàng 24k.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Đinh Thị Thu Đ trình bày:*

Chị Đ là con của bà Đinh Thị E là cháu ngoại của cụ Nguyễn Thị B và cụ Đinh Văn C. Theo chị Đ xác định nguồn gốc thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, Tiền Giang là của cụ Nguyễn Thị B và cụ Đinh Văn C hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Từ khi cụ B và cụ C chết đến nay, phần đất này do ông N quản lý sử dụng, nay chị không có ý kiến hay yêu cầu gì để giải quyết trong vụ án này.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng

các điều 43, 51, 55, 56, 59 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đinh Thành N và bà Phạm Thị P.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Thành N và bà Phạm Thị P, chia cho ông Đinh Thành N căn nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, kèo gỗ tạp, mái lợp tole, nền xi măng, vách tole, không trần, không khu phụ diện tích 200m²; cát trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² của cụ Nguyễn Thị B và cụ Đinh Văn C tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, Tiền Giang.

Ông Đinh Thành N tự nguyện chia lại ½ giá trị căn nhà cho bà Phạm Thị P số tiền 29.660.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thành N về việc xác định thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông N.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Thành N trả cho bà Võ Thị T2 08 (tám) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị T2 về việc yêu cầu ông Đinh Thành N trả số vàng còn lại là 08 (tám) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 12/10/2020, nguyên đơn – ông Đinh Thành N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – công nhận thửa đất số 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông Đinh Thành N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần yêu cầu xác định thửa đất 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² là tài sản riêng của ông N, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại

theo thủ tục sơ thẩm; giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm đối với việc thỏa thuận về hôn nhân, nợ chung và tài sản chung không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đinh Thị Ngọc U, anh Đinh Ngọc T, chị Nguyễn Thị Chúc L, anh Phan Duy N, chị Đinh Thị Thúy V1 và ông Trần T3 có đơn xin vắng mặt. Anh Đinh Khởi X, anh Đinh Tân X1, anh Đinh Tứ X2, chị Đinh Thị Thúy N1, anh Đinh Quốc T1, chị Đinh Thanh N2, và anh Đinh Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Nguyên đơn ông Đinh Thành N có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Phạm Thị P và có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là căn nhà, đồng thời yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 32, tờ bản đồ ACC12, diện tích 722,7m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông N. Bà P có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông N và cho rằng căn nhà và thửa đất số 32, tờ bản đồ ACC12 nêu trên là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu ông N phải chia tài sản trên cho bà P theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đinh Thành N và bà Phạm Thị P; ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông N và bà P về việc chia tài sản chung là căn nhà diện tích 200m² xây trên thửa đất số 32, tờ bản đồ ACC12, tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc trả số nợ 08 chỉ 05 phân vàng 24K cho bà Võ Thị T2; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị T2 về việc yêu cầu ông Đinh Thành N trả số vàng còn lại là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Riêng đối với quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thành N về việc công nhận thửa đất số 32, tờ bản đồ ACC12, diện tích 722,7m², tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông Đinh Thành N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hồ sơ trích lục ngày 16/3/2020 do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cung cấp, tại “Sổ mục kê ruộng đất” năm 1983 của xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thể hiện chủ sử dụng thửa đất số 248, diện tích 2.908m², loại đất quả tấp tên Đinh Văn 2 C (bút lục 44) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ông Đinh Văn 2 C với ông Đinh Văn C có phải cùng một người hay không; phần đất các bên đương sự tranh chấp có liên quan gì với thửa 248, diện tích 2.908m² do ông Đinh Văn 2 C đứng tên kê

khai tại “Sổ mục kê ruộng đất” năm 1983 và biến động của thửa đất này qua quá trình sử dụng đất của các chủ sử dụng để có cơ sở xác định thửa đất số 32 tờ bản đồ ACC12, diện tích 722,7m² mà các bên tranh chấp là một phần của thửa 248, diện tích 2.908m² do ông Đinh Văn 2 C kê khai và ông Đinh Văn 2 C cũng chính là ông Đinh Văn C cha của ông Đinh Thành N.

Bản án sơ thẩm nhận định phần đất tranh chấp thuộc thửa 32, tờ bản đồ ACC12, diện tích 722,7m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng tại “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất” đề ngày 14 tháng 02 năm 2020 (bút lục 85) lại thể hiện phần đất tranh chấp không có số thửa, tờ bản đồ HCC2, diện tích 803,7m². Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tại sao có sự khác biệt về số thửa, số tờ bản đồ và diện tích đất tranh chấp? Trong diện tích đất này có 89,6m² đất trồng cây lâu năm và 19,2m² hiện là nhà tạm thuộc phần đất ông N xác định đã tặng cho Đinh Thị Ngọc U nhưng tại phần nội dung và phần nhận định của bản án sơ thẩm không ghi ý kiến của ông N và chị U đối với diện tích đất này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (bút lục 87) ghi trên phần đất tranh chấp có nhà tiền chế xây dựng năm 1990 hiện nay bà Bùi Thị N3 thuê nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Bùi Thị N3 vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có đưa một số người vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bản án không nhận định những người này có quan hệ như thế nào với cụ C, cụ B và họ có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án? Căn cứ nào để xác định những người này là người thừa kế của cụ B và cụ C? Đồng thời không ghi ý kiến của những người này (trừ bà Đinh Thị Thu Đ) vào phần nội dung vụ án.

Tại “Đơn xin xác nhận” đề ngày 16/6/2017 của bà Phạm Thị T4 (bút lục 31), bà T4 trình bày năm 1982 mẹ chồng của bà là cụ Nguyễn Thị B có cho ông Đinh Thành N một phần đất nằm trong phạm vi cầu An Cư và chợ An Bình, sau đó ông N thương lượng cùng vợ chồng bà đổi phần đất cho ông N đang ở hiện nay; đến ngày 05/8/2009 Nhà nước cho cấp quyền sử dụng và đo giải thửa được 722,7m² thuộc thửa 32, tờ bản đồ ACC12, loại đất ONT + LNK nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ông N có hoán đổi thửa đất nào của bà Phạm Thị T4 hay không, đồng thời không đưa bà Phạm Thị T4 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về việc yêu cầu xác định thửa đất 32, tờ bản đồ số ACC12, diện tích 722,7m² là tài sản riêng của ông N, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông N.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên ông N không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 55, 56, 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 26, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/- Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 236/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về phần tài sản là thửa đất số 32, tờ bản đồ ACC12, diện tích 722,7m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Thành N và bà Phạm Thị P.

1.2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Thành N và bà Phạm Thị P như sau:

- Chia cho ông Đinh Thành N căn nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, kèo gỗ tạp, mái lợp tole, nền xi măng, vách tole, không trần, không khu phụ diện tích 200m² tại ấp A, xã A, huyện C, Tiền Giang.

- Ông Đinh Thành N tự nguyện hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho bà Phạm Thị P là 29.660.000 đồng (hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Thành N trả cho bà Võ Thị T2 08 (tám) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Võ Thị T2 về việc yêu cầu ông Đinh Thành N trả số vàng còn lại là 08 (tám) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k.

2/- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Đinh Thành N. Hoàn lại ông Đinh Thành N 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp theo các biên lai thu số 0002827 ngày 12/12/2019 và 0004182 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Phạm Thị P phải chịu 1.483.000 đồng (một triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng) án phí chia tài sản chung.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy